

Biến đổi sinh kế của người Hmông ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Nguyễn Ngọc Thanh*, Phạm Quang Linh**

Nhận ngày 11 tháng 3 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Người Hmông ở Kỳ Sơn có 26.184 người, chiếm 33,6% dân số toàn huyện. Trước năm 1991, sinh kế của tộc người này tập trung vào trồng trọt, chăn nuôi và làm một số nghề thủ công, tất cả đều theo hướng tự cung tự cấp. Từ năm 1991 tới nay, sinh kế của người Hmông có nhiều biến đổi. Trong nông nghiệp, người Hmông đã biết áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nên năng suất, sản lượng cây trồng ổn định. Các mô hình chăn nuôi, trồng cây ăn quả xuất hiện, trở thành những điển hình cho đồng bào các dân tộc nơi theo. Để thoát nghèo, người Hmông còn có những hình thức sinh kế mới như “đi làm công ty”, kinh doanh online, đi làm thuê, mở dịch vụ homestay. Nhờ vậy, đời sống của người dân được nâng lên, nhiều gia đình mua sắm được các phương tiện đắt tiền như xe máy, máy nổ, máy xay sắn... Những biến đổi trong sinh kế đã mang lại lợi ích thiết thực, góp phần nâng cao đời sống, giảm tỷ lệ nghèo tại cộng đồng.

Từ khóa: Sinh kế, biến đổi sinh kế, người Hmông, Nghệ An.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: There are 26,184 Hmông people in Kỳ Sơn district, accounting for 33.6% of the district's population. Before 1991, the livelihood of this ethnic minority group relied on farming, animal husbandry and some handicrafts which all were on a self-sufficient basis. From 1991 to present, the livelihood of the Hmông people has changed a lot. Regarding agriculture, the Hmông people have learnt how to utilize scientific and technical advances, so their crop productivity and output are stable. The appearance of animal husbandry and fruit tree production models have become standards for other ethnic minority groups to follow. To alleviate the poverty, the Hmông people also have new forms of livelihood such as “becoming factory workers”, pursuing online business, working as hired labors, and opening homestay services. Thanks to such forms, the living standards of the Hmông people have improved, and many families can buy expensive items such as motorbikes, electric generators, grinders, etc. Changes in livelihoods have brought practical benefits, contributing to improving living standards and reducing poverty rates in the community.

Keywords: Livelihood, livelihood changes, Hmông people, Nghệ An province.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Theo từ điển tiếng Việt, “sinh kế là việc làm, là hoạt động để mưu sinh kiếm sống (chẳng hạn người ta thường nói tìm sinh kế hay vất vả vì sinh kế)” (Viện Ngôn ngữ học, 2000: 859). Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều khái niệm về sinh kế được nhìn dưới nhiều góc độ khác nhau. Dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học, có thể hiểu sinh kế là phương thức để tồn tại

* Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam.

Email: thanhvdth@gmail.com

** Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: pqlinh.vass@

bao gồm những kế hoạch, cách thức để con người hay các tộc người có thể tồn tại, sinh sống được. Hay, có thể nói sinh kế là sự tác động của con người vào các nhóm tài nguyên xung quanh nhằm đáp ứng nhu cầu của bản thân để tồn tại. Sinh kế là tất cả các hoạt động kiếm tìm, làm ra các sản phẩm và từ đó các sản phẩm này phục vụ trực tiếp các nhu cầu tiêu dùng hoặc đổi lấy tiền, nguồn tiền đó lại được dùng để trao đổi, mua bán lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu cuộc sống của con người. Có thể xem xét sinh kế ở các mức độ khác nhau nhưng phổ biến nhất là sinh kế của người dân, của hộ gia đình.

Kỳ Sơn là huyện miền núi (rẻo cao), nằm ở biên giới phía tây bắc tỉnh Nghệ An, có tọa độ địa lý từ 19°06' đến 19°43' vĩ độ Bắc và từ 103°52' đến 104°29' kinh độ Đông. Phía đông giáp huyện Tương Dương, phía bắc, tây và nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Cấu tạo địa chất bề mặt của Kỳ Sơn khá phức tạp. Quá trình hoạt động của địa chất địa mạo đã tạo ra những dạng địa hình khác nhau gồm có núi, đồi và những thung lũng trong đó đồi, núi chiếm ưu thế và có độ dốc rất lớn, bình quân 35°. Các dân tộc sinh sống ở đây đã tận dụng từng thung lũng, từng bãi đất ven sông, suối để trồng lúa nước và chăn nuôi, tạo dựng nên một cuộc sống bền vững.

Kỳ Sơn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa song một số vùng như Mường Lống, Na Ngoi, Tây Sơn... khí hậu mang tính chất ôn đới, thường xuyên có mây mù bao phủ. Khí hậu được chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau.

Kỳ Sơn có 21 đơn vị hành chính gồm thị trấn Mường Xén và các xã Mường Lống, Huổi Tụ, Na Loi, Đoạc Mạy, Nậm Cắn, Nậm Cẩn, Mường Típ, Tà Cạ, Hữu Kiêm, Hữu Lập, Chiêu Lưu, Phà Đánh, Bảo Nam, Bảo Thắng, Na Ngoi, Keng Đu, Mỹ Lý, Bắc Lý, Tây Sơn, Mường Ải (Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, 1995: 20).

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, huyện Kỳ Sơn có 23 dân tộc, trong đó 5 dân tộc cư trú từ lâu đời, gồm Hmông, Thái, Khơ-mú, Kinh, Hoa. Cụ thể như sau:

Dân tộc Khơ-mú có 28.990 người, chiếm 36,1% dân số toàn huyện. Bản làng của người Khơ-mú ở vùng lưng chừng núi.

Dân tộc Hmông có 26.184 người, chiếm 32,6 % dân số toàn huyện và chia thành hai nhóm là Hmông Trắng chiếm số đông và Hmông Hoa với số lượng ít hơn. Bản làng của người Hmông thường ở vùng núi cao, quanh năm mây mờ bao phủ.

Dân tộc Thái có 20.703 người, chiếm 27% dân số toàn huyện. Bản của người Thái thường đặt tại vùng thung lũng, gần sông suối, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Dân tộc Kinh và Hoa có 4.379 người (trong đó người Kinh có 4.360 người), chiếm 5,5% dân số toàn huyện. Hai tộc người này cư trú chủ yếu ở thị trấn Mường Xén và các xã dọc Quốc lộ 7.

Các dân tộc sống đan xen tại thị trấn và 10 xã (Nậm Cắn, Mường Típ, Tà Cạ, Hữu Kiêm, Hữu Lập, Chiêu Lưu, Phà Đánh, Na Loi, Mỹ Lý, Mường Ải). Với các xã còn lại, 6 xã thuần người Hmông (Mường Lống, Đoạc Mạy, Nậm Cắn, Na Ngoi, Tây Sơn, Huổi Tụ) và 4 xã thuần người Khơ-mú (Bảo Nam, Bảo Thắng, Keng Đu, Bắc Lý).

Trong những năm qua, sinh kế của người Hmông tại huyện Kỳ Sơn đã có những thay đổi khá rõ ràng, thể hiện qua sự biến đổi của hoạt động sinh kế, chiến lược sinh kế và thu nhập của người dân. Tuy nhiên, nét nông nghiệp, nông thôn hiện vẫn đang là đặc trưng trong sinh kế của tộc người này. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo của tộc người Hmông vẫn rất cao khi so với các tộc người khác, cũng như so với mặt bằng chung của toàn huyện Kỳ Sơn.

2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về sinh kế của người Hmông đã có nhiều công trình của các tác giả trong nước như (Hoàng Hữu Bình và Nguyễn Xuân Trường, 1989); (Lê Ngọc Thắng, 1997); (Nguyễn Đức Thắng, 1998); (Lương Thị Thu Hằng, 2000); (Nguyễn Quốc Khương, 2001); (Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2008); (Dương Quỳnh Phương, Nguyễn Việt Hưng, Nguyễn Hoa Hậu, 2012); (Nguyễn Văn Toàn, 2015); (Lục Thị Yến, 2015); (Nguyễn Việt Bảo, 2020); (Phạm Quang Linh, Đặng Minh Ngọc, 2023)... Nhìn chung, những nghiên cứu nêu trên đã chỉ rõ hoạt động sinh kế truyền thống và biến đổi ở người Hmông, nhưng chủ yếu ở khu vực miền núi phía bắc. Về sinh kế của người Hmông ở huyện Kỳ Sơn cho đến nay các công trình nghiên cứu vẫn còn ít ỏi, do đó, việc bổ sung thêm tư liệu về sinh kế của tộc người này ở huyện Kỳ Sơn (khu vực biên giới Việt - Lào) là hết sức cần thiết.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp, trong đó nổi bật là phương pháp định tính với các công cụ của phương pháp nghiên cứu Dân tộc học và đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) được áp dụng. Nhóm tác giả đã điền dã, chụp ảnh, quan sát trực tiếp, ghi hình... các nguồn tài nguyên, nguồn nước, các khu vực sản xuất, nơi chăn thả vật nuôi... Các công cụ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được sử dụng thường xuyên. Các buổi phỏng vấn sâu được tổ chức tại một số hộ gia đình trong bản với những câu hỏi đóng và mở để cho người dân chủ động trả lời, trao đổi, thảo luận về những vấn đề được nêu. Tại các điểm điều tra, nhóm tác giả tổ chức một số buổi thảo luận nhóm với những thành phần khác nhau nhằm tiếp cận được các nguồn thông tin đa chiều như nhóm nam giới, nhóm phụ nữ, nhóm hỗn hợp nam giới và phụ nữ, mỗi nhóm từ 5 -7 người. Nội dung thảo luận nhóm hướng đến sinh kế của người dân và các giải pháp đặt ra. Ngoài ra, việc thu thập số liệu thống kê, các báo cáo của chính quyền cấp xã, huyện, tỉnh cũng được quan tâm thỏa đáng. Những thông tin và số liệu mà có được trong bài viết¹ này là sự kết hợp giữa điền dã, phỏng vấn với số liệu thống kê và báo cáo của ủy ban nhân dân các cấp ở Kỳ Sơn trong các năm 2022, 2023.

3. Các hình thức sinh kế của người Hmông

3.1. Sinh kế truyền thống

Trước năm 1986, ở Kỳ Sơn, người Hmông sống chủ yếu bằng trồng trọt nương rẫy, ngoài ra họ còn chăn nuôi, làm nghề thủ công, săn bắn, hái lượm.

Trên nương rẫy, người Hmông trồng nhiều giống cây khác nhau như lúa, kê, khoai, sắn, dong riềng, bầu bí, các loại đậu,... Bên cạnh việc canh tác nương rẫy, một số bản người Hmông ở Kỳ Sơn cũng đã bắt đầu trồng lúa nước. Tuy nhiên trình độ làm ruộng nước còn thấp, người dân chưa biết áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vì vậy năng suất không cao.

Chăn nuôi ở người Hmông tương đối phát triển, vật nuôi bao gồm cả gia súc và gia cầm như lợn, trâu, bò, dê, ngựa, gà, vịt... Việc nuôi bò chủ yếu để dùng chọi, một trò chơi không thể thiếu trong các dịp Tết, lễ hội và khi cần thì có thể đem bán để lấy bạc nén tích lũy trong nhà. Ngựa dùng để thờ hàng và là phương tiện vận chuyển đi xa, còn trâu là con vật được dùng nhiều trong các nghi lễ đám tang, cúng vía...

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Sinh kế hiện nay của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An” do TS. Phạm Quang Linh làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, thực hiện năm 2023-2024.

Nét nổi bật trong chăn nuôi truyền thống của người Hmông là nuôi lợn, mỗi nhà có từ 15 đến 20 con. Thức ăn nuôi lợn là các loại rau rừng, ngô và sắn. Lợn nuôi vừa dùng cho cúng bái vừa là sản phẩm hàng hóa khi cần bán cũng được món tiền để trang trải các công việc trong nhà. Đàn gia cầm (gà, vịt) được nuôi tương đối nhiều và cũng chủ yếu dùng cho các nghi lễ như cúng vía, nhận con nuôi, cúng ma nhà...

Bên cạnh việc chăn nuôi, người Hmông còn biết nhiều nghề thủ công như rèn đúc, làm giấy, đan lát, làm cối xay bằng đá nhằm phục vụ nhu cầu tự cung cấp. Đặc biệt nghề rèn của họ rất phát triển. Con trai Hmông đến tuổi trưởng thành hầu hết đều biết rèn. Thợ rèn có thể tự rèn được các loại công cụ sản xuất nông nghiệp như dao, búa, rìu, thậm chí còn sản xuất được cả súng kíp...

Săn bắn là hoạt động được tổ chức thường xuyên. Ở một số bản cư trú ven những con suối nhỏ, người Hmông thường dùng lá, vỏ cây rừng già nhỏ đem trộn tro bếp bỏ xuống suối cho cá bị say, nổi lên mặt nước để bắt dễ dàng.

Với người Hmông, rừng có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi hoạt động của họ. Đây chính là nơi cung cấp nhiều sản phẩm hái lượm phục vụ vào nhiều mục đích khác nhau như chữa bệnh, cung cấp thực phẩm, dùng để trao đổi...

Xưa kia, các mặt hàng được người Hmông mang đi bán cũng hết sức phong phú. Trước hết là ngô. Diện tích trồng ngô của người Hmông thường chiếm quá nửa diện tích nương rẫy của mỗi gia đình. Sản lượng ngô thu hoạch được ngoài phần để chăn nuôi còn có dư thừa và trở thành hàng hóa. Đây là mặt hàng không thể thiếu trong giao lưu, trao đổi. Sau ngô là thóc gạo. Mặc dù diện tích trồng lúa nước hạn hẹp, nhưng bù lại, người ta làm lúa nương. Như đã trình bày, lúa nương có nhiều loại giống và trồng qua nhiều vụ, nhiều năm thu hoạch nên cũng có dư thừa. Góp vào giao lưu hàng hóa còn có các loại đậu (đậu tương, đậu đũa,...), các sản phẩm của kinh tế tự nhiên (nấm khô, mộc nhĩ, măng, mật ong,...) và một số công cụ của nghề thủ công.

Nhìn chung, các mặt hàng trên được bắt đầu bằng sự trao đổi trong nội bộ tộc người. Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong xã hội người Hmông đã xuất hiện một số chức dịch kiêm buôn bán các mặt hàng như muối, vải... Về sau, phạm vi trao đổi mở rộng hơn. Người Hmông trao đổi hàng hóa với người Thái, Khơ-mú. Sự trao đổi nảy sinh do nhu cầu của mỗi tộc người. Chẳng hạn, người Hmông dùng ngô, thóc gạo, sản phẩm nghề rèn để đổi lấy đồ đan lát của người Khơ-mú hoặc lưới, vỏ đánh cá của người Thái... Tuy nhiên, trong xã hội truyền thống của người Hmông, hàng hóa từ sản phẩm nông nghiệp và từ ngành nghề khác không giữ vị trí chủ đạo (Nguyễn Ngọc Thanh, Ngọc Thi, 1996).

3.2. Những biến đổi về sinh kế

3.2.1. Trồng trọt và chăn nuôi

Từ năm 1991, Kỳ Sơn xác định chiến lược kinh tế là quy hoạch cơ cấu ngành kinh tế. Nhờ đó kinh tế Kỳ Sơn đạt được nhiều tiến bộ trên các lĩnh vực. Huyện đã hoàn thành chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao Kỳ Sơn với 20 đề án chuyên ngành, 5 đề án phát triển kinh tế - xã hội chung cho cấp xã, tập trung xây dựng dự án kinh tế - xã hội cụ thể cho 10 xã và 25 bản (trong đó có một số xã người Hmông) ở vùng biên giới Việt - Lào (Địa chí huyện Kỳ Sơn, 2020: 218).

Về trồng trọt, cơ cấu cây trồng trên nương rẫy có sự thay đổi theo hướng tăng diện tích trồng rau màu và cây ăn quả. Một số giống mới và kỹ thuật trồng trọt được các địa phương đưa vào sản xuất như giống ngô lai (Bioseed), sắn cao sản, lạc, đậu tương, mía, chuối, gừng, cỏ voi dùng cho chăn nuôi. Mặt khác người dân đã chủ động chuyển đổi nhiều loại

cây trồng. Ngoài cây lương thực, tỷ trọng các loại cây ăn quả (chuối, lê...) và các loại rau (su su, bí xanh, dưa chuột...) được nhân dân trồng nhiều theo hướng sản xuất hàng hóa và tiêu thụ (Nguyễn Văn Toàn, 2015: 51).

Để có thêm ruộng đất, phong trào khai hoang, làm thủy lợi đã trở thành nhu cầu cần thiết của nhân dân. Vì thế, nhiều hộ người Hmông ở các xã Na Loi, Na Ngoi, Đoóc Mạy, Mường Ải, Mường Lống,... đã khai hoang thêm hàng chục héc-ta làm ruộng nước, góp phần tích cực cùng nhân dân cả huyện giảm diện tích rẫy bình quân hằng năm là 8,5% (Địa chí huyện Kỳ Sơn, 2020:219).

Với việc thực hiện chính sách chuyển đổi từ sản xuất mưu sinh sang sản xuất kinh tế hàng hoá, nhà nước đã khuyến khích và trợ giúp các hộ gia đình người Hmông về giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật nuôi, trồng, chăm sóc và thu hoạch. Cụ thể, nhà nước đã cung cấp cho hộ gia đình người Hmông các giống lúa nước như Nông nghiệp 5, IR 203, Chiêm đen, Bao thai cho năng suất cao, các loại cây công nghiệp và cây thực phẩm được đưa vào canh tác như quế, cà phê, chè Shan Tuyết, cánh kiến; cây ăn quả có (đào Yên Bái, nho Pháp, mơ Vân Nam, mận Tam hoa); cây dược liệu có (tam thất, thảo quả, đỗ trọng, đương quy, xuyên khung); cây thực phẩm có (đậu xanh, vừng, lạc)...

Đến nay, tuyệt đại đa số hộ người Hmông đã tự sản xuất ra đủ lương thực cho nhu cầu của gia đình. Đặc biệt, nhiều hộ gia đình người Hmông ở Mường Lống, Huổi Tụ, Tây Sơn đã chuyển sang trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ.

Điều thể hiện rõ sự thay đổi của nông nghiệp là sự gia tăng các mô hình kinh tế. Tính đến năm 2015, huyện Kỳ Sơn có 497 mô hình kinh tế có hiệu quả, trong đó có 259 mô hình trang trại gia đình, 153 mô hình kinh tế hộ, 9 mô hình tiểu thủ công nghiệp, 76 mô hình nuôi trâu bò vỗ béo (Địa chí huyện Kỳ Sơn, 2020: 231). Trong số các mô hình này, có nhiều mô hình xuất hiện ở người Hmông như trồng chanh leo ở xã Mường Lống và trồng các giống cây như khoai sọ, bí xanh, dưa chuột ở phần lớn các bản người Hmông. Hiện nay, ở Mường Lống đang trồng và phát triển mạnh nhất là giống mận Tam Hoa, loại cây này được trồng năm 1996, và đến năm 1999 bắt đầu cho thu hoạch quả. Cây mận Tam Hoa từ Bắc Hà (Lào Cai) về định cư miền núi Nghệ An và trở thành đặc sản, giúp người dân giảm được một phần nghèo đói, năng suất quả trung bình đạt 100 kg/cây/vụ.

Ngoài mận Tam Hoa, ở Mường Lống còn là khu vực nổi tiếng về trồng cây đào. Hiện nay, tổng diện tích đào Mường Lống khoảng 10 ha chủ yếu trồng các giống như đào địa phương, đào Australia, đào Pháp và đào Mỹ. Giống đào địa phương ở đây trồng chủ yếu lấy cành trong các dịp Tết Nguyên Đán là chính, sản lượng quả còn thấp, quả nhỏ, không đáp ứng được nhu cầu thị trường. Còn giống đào Mỹ, đào Pháp chủ yếu được người dân mua về trồng tự phát để thu hoạch quả nhưng diện tích còn ít, năng suất thấp, thiếu các biện pháp kỹ thuật chăm sóc nên chưa khai thác hết tiềm năng của giống, chưa đáp ứng được thị yếu người tiêu dùng. Bên cạnh đó, cây lê rừng (hay còn gọi là maccop) cũng là cây được trồng từ xa xưa do người Hmông mang theo từ khi di cư sang vùng đất này, một số khác đưa giống từ Lào đến, tuy nhiên sản lượng thấp chưa trở thành hàng hóa.

Người Hmông ở nhiều nơi thuộc huyện Kỳ Sơn còn trồng chè Shan Tuyết. Giống chè này rất có triển vọng phát triển. Xã Huổi Tụ là địa phương trồng nhiều chè Shan Tuyết, đến nay đã cho thu hoạch. Người dân trong các thôn bản còn tham gia trồng rừng theo Dự án 661 và bảo vệ rừng phòng hộ. Tuy nhiên, thu nhập từ việc tham gia bảo vệ rừng phòng hộ không đáng kể.

Ngoài ra, mô hình trồng gừng cũng rất phát triển ở các xã của huyện như Na Ngoi, Mường Lống, Tây Sơn, Đoóc Mạy, Huổi Tụ... Diện tích gừng hiện nay khoảng 512,95 ha. Trong những năm gần đây, cây gừng đã trở thành cây chủ lực trong sản xuất nông nghiệp, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho nhiều hộ gia đình Hmông.

Bên cạnh hoạt động trồng trọt, người Hmông ở Kỳ Sơn cũng đang chuyển dịch chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô trang trại. Điển hình là trang trại của hộ gia đình ông Lầu Chổng Chùa ở xã Nậm Cắn; ông Hoa Phò Ngành ở xã Mường Ải (Địa chí huyện Kỳ Sơn, 2020: 242). Mô hình trang trại kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi ở xã Huổi Tụ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao (Phạm Cẩm Vân, 2011: 54).

Chăn nuôi ở người Hmông ở Kỳ Sơn đã đem lại nguồn thu nhập đứng thứ hai cho hộ gia đình sau trồng trọt; ý thức chăn nuôi mang tính hàng hóa đã thâm nhập vào đời sống người Hmông, nên sản phẩm chăn nuôi chủ yếu để bán; đồng bào nuôi nhiều lợn đen, gà đen vì giá trị kinh tế cao và được tiêu thụ mạnh...; đặc biệt, người dân đã biết ứng dụng kỹ thuật trồng cỏ voi để vỗ béo đàn bò; hằng năm, các chương trình dự án đã hỗ trợ một số giống vật nuôi cho người dân, vận động và hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ vắc xin tiêm phòng dịch, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi... (Nguyễn Văn Toàn, 2015: 53).

Hiện nay, mô hình chăn nuôi bò vỗ béo của người Hmông ở Kỳ Sơn đang mang lại hiệu quả khá cao. Người dân thường mua bò về, chăm sóc vỗ béo trong khoảng ba tháng rồi bán. Đối với mỗi lần vỗ béo như vậy, mỗi con bò thường đem về khoản lãi khoảng 1 triệu đồng. Tại bản Sơn Hà, xã Tà Cạ, đa số người Hmông đang chăn nuôi bò dưới hình thức này. Nhiều người dân khi được hỏi đều đánh giá rằng đây là nguồn thu nhập ổn định.

Cùng với việc nuôi bò, nhiều người Hmông cũng nuôi trâu. Không chỉ nuôi trâu lấy sức kéo, lấy thịt mà nhiều người Hmông ở một số bản như bản Sơn Hà còn nuôi trâu trăn/trâu chọi. Những con trâu này có thể được người dân ngoài tỉnh tới xem và mua trực tiếp, hoặc người Hmông mang trâu tới chợ phiên Nậm Cắn để bán. Theo trưởng bản Sơn Hà, việc bán trâu trăn nếu thuận lợi có thể mang lại lợi nhuận từ 6 triệu đến 10 triệu/con trong vòng vài tháng. Thậm chí, một số hộ dân còn bán trâu, bò dưới hình thức trực tuyến thông qua zalo, facebook. Người bán gửi cho người mua những hình ảnh, video clip về trâu, bò, khi người mua ưng thì có thể đặt cọc. Sau đó người mua tới mua trực tiếp hoặc người bán sẽ có những cách thức phù hợp để vận chuyển trâu, bò tới người mua.

Bên cạnh việc chăn nuôi gia súc, người Hmông vẫn duy trì việc chăn nuôi gia cầm, mỗi gia đình nuôi từ 30 con đến 50 con gà; mục đích chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình, các nghi lễ và vào dịp Tết. Nhìn chung, hiện tại trên địa bàn huyện Kỳ Sơn vẫn chưa thấy có hộ gia đình nào nuôi gà với số lượng lớn theo kiểu trang trại.

Một vài năm gần đây, ở người Hmông còn phát triển nuôi cá. Tại bản Sơn Hà của xã Tà Cạ hầu như nhà nào cũng có ao, đồng bào mua cá giống của người Kinh từ dưới xuôi lên, cá nuôi được ngoài việc dùng để cải thiện trong bữa ăn hằng ngày, người dân còn đem bán. Xã Mường Lống ở độ cao 2000 m so với mặt biển, có nhiều hộ gia đình cũng đào ao thả cá, tuy cá ở đây phát triển không bằng ở vùng thấp, song, vẫn đủ sử dụng cho cả mục đích tiêu dùng và trao đổi, buôn bán (Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, 1995: 212).

Trong giai đoạn 2016 - 2020 ngành nông nghiệp Kỳ Sơn đã có bước chuyển biến quan trọng. Tổng sản lượng lương thực từ năm 2016 - 2020 đạt 16.786 tấn; bình quân lương thực đạt 220kg/người/năm. Đến tháng 4/2020, toàn huyện có 320 ha trồng gừng với năng suất

đạt từ 8 đến 15 tấn/ha; 400ha rau các loại với năng suất 10 tấn/ha, sản lượng 4000 tấn; 800 ha trồng cỏ VA06, cỏ voi; 280 ha trồng chè Shan Tuyết, năng suất chè búp tươi đạt 18 tạ/ha, sản lượng đạt hơn 324 tấn; mận Tam hoa 40 ha, năng suất đạt 30 tạ/ha, sản lượng đạt 120 tấn; gieo trồng thử nghiệm 25 ha cây chanh leo đạt sản lượng ổn định 200 tấn. Huyện đã hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu gắn với sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm thế mạnh của huyện như lúa đặc sản Na Loi; chè Shan Tuyết, bí xanh, khoai sọ, đào, mận, gừng (Huyện ủy Kỳ Sơn, 2020: 1). Thu nhập bình quân của các hộ ở Kỳ Sơn năm 2022 đạt 24,8 triệu đồng (UBND huyện Kỳ Sơn, 2022: 8), tăng 8 triệu đồng so với năm 2015 (Địa chí huyện Kỳ Sơn, 2020: 253).

Ở người Hmông, một số nghề thủ công như rèn, đan lát, làm giấy, đục đá và làm cối đá gần như đã bị mai một... Riêng nghề thêu, dệt lại đang được phục hồi tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tại bản Mường Lống I có 135/149 hộ người Hmông tham gia nghề thêu thổ cẩm. Thu nhập đạt từ 5 đến 8 tỷ đồng/năm, chiếm từ 24 % đến 31% tổng thu nhập của cả bản (Hoàng Lam, 2023). Một số nghề thủ công mới đã xuất hiện ở vùng người Hmông như nghề làm mộc dựng nhà, làm bàn ghế, đóng cửa panô theo kỹ thuật làm mộc của người Kinh cũng mang lại thu nhập cho người dân.

3.2.2. Các hình thức sinh kế khác

Nếu như trước đây, hoạt động kinh tế của người Hmông là tự cung, tự cấp, buôn bán giao thương không phát triển thì ngày nay các loại hình dịch vụ của người Hmông đang có những thay đổi mạnh mẽ. Với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập, tận dụng sức mạnh của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, sự thuận lợi của khu vực biên giới với cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn mang lại, người Hmông ở Kỳ Sơn hiện đang đẩy mạnh buôn bán, giao thương dưới hai hình thức chính là buôn bán trực tiếp tại các chợ tạm, chợ xã, cửa khẩu... và buôn bán trực tuyến (online) qua zalo, facebook.

Trong quá trình điền dã, quan sát và phỏng vấn sâu, nhóm tác giả nhận thấy nhiều người Hmông khá nhạy bén trong việc kinh doanh, làm dịch vụ. Tại bản Trường Sơn, Tiên Tiêu, xã Nậm Cắn rất nhiều người Hmông có các sạp hàng ở khu vực chợ cửa khẩu. Vào phiên chợ, người dân mang các sản phẩm từ gia cầm (gà, vịt), gia súc (trâu, bò, lợn), các loại nông sản đến (váy áo) tự dệt,... Thậm chí, chị em phụ nữ còn thường xuyên livestream, post bài trên zalo, facebook để bán hàng. Cách làm này đã mang lại hiệu quả rất tốt trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Một số phụ nữ ở hai bản trên còn đem các sản phẩm trang phục do thu mua được mang lên vùng miền núi phía Bắc như Hà Giang, Cao Bằng,... bán cho người Hmông ở đó. Cá biệt, có những chị em tạo được mối buôn bán quần áo với các nước trong khu vực như Malaysia, Lào, Thái Lan, thậm chí sang cả Mỹ. Họ giới thiệu sản phẩm qua video clip, sau đó gửi đi bằng dịch vụ chuyển phát của Viettelpost, Vietnampost...

Trong khoảng 6-7 năm trở lại đây, hoạt động “đi làm công ty”² đang phát triển rất mạnh mẽ tại huyện Kỳ Sơn nói chung, trong cộng đồng người Hmông ở huyện Kỳ Sơn nói riêng.

² “Đi làm công ty” là cách đa số người Hmông miêu tả về những người hiện đang đi làm cho các doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy, công ty... và được ký hợp đồng lao động. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp, có những người dân sử dụng thuật ngữ “đi làm công ty” để diễn tả những người đi làm cho các doanh nghiệp, xí nghiệp... mà không có hợp đồng lao động hoặc đơn giản là những người đang đi làm ăn xa (kể cả là đi làm thuê).

Năm 2022, huyện Kỳ Sơn có khoảng 11.000 người “đi làm công ty”, chiếm khoảng 13% tổng dân số toàn huyện, trong đó người Khơ - mú chiếm khoảng 50%, người Thái chiếm khoảng 40% và người Hmông chiếm khoảng 10%. Mặc dù tỷ lệ người Hmông làm công ty ít hơn so với các dân tộc còn lại, tuy nhiên hiện nay trừ những người làm công chức hoặc đang làm chăn nuôi tốt hoặc vì một vài lý do đặc biệt thì đa phần thanh niên Hmông đều “đi làm công ty”. Tại xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ là điểm nhóm tác giả đến khảo sát, có khoảng 50% người Hmông từ 15 tuổi đến 40 tuổi “đi làm công ty”.

Địa bàn đi làm công ty của người Hmông cũng hết sức phong phú. Ở trong nước, người dân đi khắp các tỉnh thành từ Bắc vào Nam với nghề nghiệp rất đa dạng như dệt may, da giày, cao su, những nghề này chủ yếu làm chân tay, không yêu cầu trình độ cao. Đây cũng là lý do tại sao các công ty chỉ tuyển lao động 15 tuổi đến 40 tuổi và phải đảm bảo sức khỏe (có giấy chứng nhận do bệnh viện cấp). Đối với đi làm cho các công ty nước ngoài, số lượng chiếm khoảng 5%, bao gồm các công việc như cạo mủ cao su, xây dựng ở Lào, làm tàu cá ở Đài Loan. Ngoài ra, một số thanh niên sau một khóa đào tạo ngắn hạn được tuyển làm điều dưỡng, giúp việc ở Nhật Bản, Malaysia, Nga, Đức... Chi phí để “đi làm công ty” tại Lào, Đài Loan... thấp nhất so với các nước khác, khoảng từ 40 triệu đến 120 triệu đồng. Đối với các nước phát triển và ở xa Việt Nam như Đức, Nhật Bản, chỉ riêng chi phí mà người dân phải bỏ ra để học ngoại ngữ, làm các thủ tục giấy tờ, mua vé máy bay...cũng đã khoảng hơn 200 triệu đồng.

Cũng theo người dân cho biết, thu nhập từ đi làm cho các công ty cũng rất đa dạng, phụ thuộc vào công việc và khả năng tăng ca của người lao động. Nhìn chung, mức lương của người Hmông đi làm tại các công ty ở Việt Nam khoảng từ 4 đến 6 triệu/tháng và tăng lên từ 8 đến 10 triệu/tháng nếu làm tăng ca. Trừ các chi phí sinh hoạt cơ bản, nếu chi tiêu tiết kiệm người lao động có thể để dành ít nhất khoảng 5 triệu đồng/tháng (đối với người đã tăng ca). Đây là một mức thu nhập “mơ ước”, bởi nguồn thu nhập này ổn định, không bấp bênh nếu so với thu nhập của những người làm trồng trọt, chăn nuôi, nhất là trong bối cảnh huyện Kỳ Sơn gặp rất nhiều thiên tai (lũ quét, sạt lở,...) trong những năm qua.

Hiện nay, Phòng Lao động, Thương Binh - Xã hội huyện Kỳ Sơn cũng đang đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ người dân, nhất là người Hmông và người Khơ - mú “đi làm công ty” thông qua tư vấn của các doanh nghiệp. Trên địa bàn huyện có 04 doanh nghiệp tư vấn, tuyển dụng đưa lao động đi làm việc trong nước, 07 doanh nghiệp tư vấn đi làm việc ở nước ngoài. Kết quả, năm 2022 huyện Kỳ Sơn đã có 1.030/1000 lao động đi làm việc thông qua các doanh nghiệp, đạt 103% so với kế hoạch (Phòng Lao động - Thương binh, Xã hội huyện Kỳ Sơn, 2022). Lãnh đạo huyện Kỳ Sơn cho biết: “Làm công ty được xác định là một trong những hướng đi mà chính quyền huyện Kỳ Sơn sẽ tập trung đầu tư, đẩy mạnh để nâng cao sinh kế cho người dân trong thời gian tới”.

Hoạt động làm thuê cũng xuất hiện ở người Hmông trong một vài năm gần đây, người Hmông trong xã hội truyền thống không đi làm thuê. Vì họ cho rằng, làm thuê là thấp kém. Quan niệm ấy đã thay đổi trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Song hoạt động làm thuê ở người Hmông khác so với một số tộc người khác về hình thức công việc, thu nhập và mức độ phụ thuộc. Người Hmông thường chỉ làm thuê cho người đồng tộc trong phạm vi bản làng hoặc làm công cho các công trình xây dựng hạ tầng ở địa phương và thường chọn lựa làm những công việc không đòi hỏi nhiều sức lao động, nhưng có thu nhập như chăn dắt trâu bò thuê cho người buôn bán, làm cỏ rẫy... Cho nên, có những người đi làm thuê nhưng lại thuê người Khơ mú làm những công việc nặng nhọc cho họ.

Một số hộ người Hmông ở xã Mường Lống và Mỹ Lý đã manh nha xuất hiện mô hình du lịch cộng đồng, ở hai xã này có 6 hộ xây dựng Homestay, ngoài thu nhập từ trồng trọt thì bình quân mỗi hộ một tháng có thu nhập trên 5 triệu đồng. Năm 2022, công tác truyền thông quảng bá du lịch được đẩy mạnh, thu hút hơn 3.000 khách đến Mường Lống và Mỹ Lý (Quang An, 2022). Xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương là hướng đi của huyện Kỳ Sơn trong những năm tới nhằm tăng thêm thu nhập, giúp người dân thoát nghèo.

4. Kết luận

Hoạt động sinh kế truyền thống của người Hmông chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, bao gồm các hoạt động như trồng trọt, chăn nuôi, thủ công gia đình, trao đổi mua bán... trong đó canh tác nương rẫy là chủ đạo, chăn nuôi mục đích cải thiện bữa ăn hàng ngày, cung cấp sức kéo và các nghi lễ gia đình. Thủ công nghiệp truyền thống gồm nhiều nghề như rèn, dệt, đan lát... chỉ đáp ứng cho sản xuất, phụ thuộc vào kinh tế nông nghiệp.

Từ năm 1991, khi mà Kỳ Sơn xác định chiến lược kinh tế là quy hoạch cơ cấu ngành kinh tế thì sinh kế của các tộc người nói chung, người Hmông nói riêng đã có những biến đổi tích cực. Đặc biệt, xuất hiện các mô hình sinh kế như trồng chanh leo, mận Tam Hoa, trồng cây đào, trồng gừng, trồng chè Shan Tuyết. Trong chăn nuôi có mô hình nuôi bò vỗ béo, nuôi trâu trăn. Đồng thời ở người Hmông các hình thức sinh kế mới như kinh doanh online, “đi làm công ty”, làm thuê, dịch vụ du lịch,... đã làm cho cuộc sống và mức sống của nhiều gia đình khá hơn trước, thậm chí có gia đình mua được ô tô và các đồ dùng sinh hoạt, sản xuất đắt tiền như xe máy tay ga, máy giặt, tủ lạnh... Những biến đổi về sinh kế giúp nhiều gia đình người Hmông thoát nghèo, thoát khỏi sự lệ thuộc vào tự nhiên, thoát khỏi nền kinh tế tự cung tự cấp, chuyển sang một nền sản xuất hàng hóa.

Mặc dù có những chuyển biến tích cực, nhưng tỷ lệ nghèo và cận nghèo đa chiều ở người Hmông vẫn còn rất cao, lãnh đạo huyện Kỳ Sơn nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung cần tiếp tục quan tâm, đầu tư, giúp đỡ người Hmông để họ phát triển các hoạt động sinh kế. Để làm được điều này, các cấp chính quyền huyện và tỉnh cần chú trọng công tác đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng và giới thiệu việc làm, nhất là cho tầng lớp thanh niên. Khi sinh kế ổn định, thu nhập được nâng cao sẽ giúp chất lượng cuộc sống của người dân tốt hơn, từ đó góp phần vào sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số, đồng thời đảm bảo ổn định trật tự xã hội và an ninh quốc phòng khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An.

Tài liệu tham khảo

Dương Quỳnh Phương, Nguyễn Việt Hưng, Nguyễn Hoa Hậu. (2012). Sinh kế nông nghiệp của người Hmông ở vùng miền núi phía Bắc. Tạp chí *Dân tộc và Thời đại*. Số 139, 140.

Hoàng Hữu Bình và Nguyễn Xuân Trường. (1989). Tiềm năng thiên nhiên vùng cư trú người Hmông tỉnh Hoàng Liên Sơn và phương hướng khai thác. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 2 + 3.

Hoàng Lam. (12/01/2023). Làng thêu của đồng bào Mông ở “cổng trời” doanh thu đến 8 tỷ đồng/năm. <https://dantri.com.vn/laodong-viec-lam/lang-theu-cua-dong-bao-mong-o-cong-troi-doanh-thu-den-8-ty-dongnam-20231104140729303.htm> (truy cập ngày 10/05/2024).

Hoàng Phê. (Chủ biên, 2000). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng.

Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn. (1995). *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn Nghệ An*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

- Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn. (2020). *Địa chí huyện Kỳ Sơn*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Huyện ủy Kỳ Sơn. (2020). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kỳ Sơn khóa XXII trình Đại hội đại Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025*.
- Lê Ngọc Thắng. (1997). Mối quan hệ giữa văn hoá truyền thống và kinh tế (từ thực tiễn huyện Bắc Hà, Lào Cai). Tạp chí *Dân tộc học*, số 1.
- Lương Thị Thu Hằng. (2000). *Tình hình kinh tế của đồng bào các dân tộc miền núi huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La* (người Thái, người Khơ-mú, người Hmông) trong thời điểm hiện nay. Thư viện Viện Dân tộc học.
- Nguyễn Đức Thắng. (1998). Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng người Hmông Bắc Hà. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 1.
- Nguyễn Ngọc Thanh, Ngọc Thi. (1996). Sự hình thành ý thức sản xuất kinh doanh hàng hoá của người Hmông ở Kỳ Sơn. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 2.
- Nguyễn Thị Thanh Thuý. (2008). *Sinh kế của người Hmông trong quá trình hội nhập và phát triển*. [Luận văn Thạc sĩ. Thư viện Viện Dân tộc học].
- Nguyễn Văn Toàn. (2015). Biến đổi kinh tế của người Hmông ở miền Tây Nghệ An và những vấn đề đặt ra hiện nay. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 1+2.
- Nguyễn Việt Bảo. (2020). *Sinh kế bền vững cho hộ dân tộc Hmông huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên*. [Luận văn Thạc sĩ. Đại học Nông Lâm Thái Nguyên].
- Nguyễn Quốc Khương. (2001). *Hoạt động kinh tế của người Hmông trong quá trình chuyển đổi kinh tế hiện nay ở miền núi* (Qua khảo sát người Hmông ở xã Suối Giàng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái). [Luận văn Thạc sĩ. Thư viện Viện Dân tộc học].
- Phạm Quang Linh, Đặng Minh Ngọc. (2023). Sinh kế hiện nay của người Hmông và người Khơ - mú tại khu vực biên giới tỉnh Nghệ An. Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*. Số 11.
- Phạm Thị Cẩm Vân. (2011). Thực trạng và biến đổi trong quản lý và sử dụng đất nông nghiệp của người Hmông ở xã Huổi Tụ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 2.
- Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn. (2023). Biểu tổng hợp nhân khẩu theo thành phần dân tộc tính đến tháng 5/2023.
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn. (2022). *Báo cáo kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023*.
- Quang An. (21/9/22). Tìm sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số Kỳ Sơn. <https://kyson.nghean.gov.vn/van-hoa-xa-hoi-du-lich/nghe-an-tham-dinh-cong-nhan-lang-nghe-theu-tho-cam-dong-bao-mong-608753>
- Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb. Thống kê.
- Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn. (2021). *Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023, kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Kỳ Sơn*.
- Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn. (2022). *Báo cáo Tổng kết ngành nông nghiệp năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.